

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: **711** /QĐ-BVTV-KH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **21** tháng **4** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định tổ chức thử nghiệm

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón đối với Phòng thí nghiệm thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng (Địa chỉ: Số 80, Phạm Minh Đức, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng; Điện thoại: 0225.3760454; Fax: 0225.3760103). Danh mục các phương pháp thử thay đổi, bổ sung chi tiết tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 826/QĐ-BVTV-KH ngày 29/3/2018; số 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/2018 và số 1844/QĐ-BVTV-KH ngày 17/7/2019 của Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Phòng thí nghiệm thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục TC ĐL CL (để biết);
- Vụ KH CN & MT (để biết);
- Trung tâm tin học và thống kê (đăng website);
- Phòng HTQT & TT (đăng website Cục);
- Phòng QLPB, TT-PC (phối hợp);
- Lưu VT, KH.

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Trung

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 711 /QĐ-BVTV-KH ngày 21 tháng 4 năm 2020
của Cục Bảo vệ thực vật)

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Đối tượng phương pháp thử	Khoảng đo /LOQ	Phương pháp thử được chỉ định	Ghi chú
1.	Độ ẩm (đối với phân bón dạng rắn)	Phân Urê hạt trong	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 2620:2014	Quyết định 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/18
2.		Các loại phân bón trừ phân Urê, DAP, phân bón hỗn hợp	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 9297:2012	Quyết định 826/QĐ-BVTV-KH ngày 29/3/18
3.	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số	Phân bón hỗn hợp	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 5815:2018	Quyết định 1814/QĐ-BVTV-KH, ngày 17/7/19
4.		Các loại phân bón không chứa nitơ dạng nitrat trừ các loại phân bón hỗn hợp	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 8557:2010	Quyết định 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/18
5.		Các loại phân bón chứa nitơ dạng nitrat trừ các loại phân bón hỗn hợp	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 10682:2015	Quyết định 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/18
6.	Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu	Phân lân nung chảy	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 1078:2018	Quyết định 1814/QĐ-BVTV-KH ngày 17/7/19
7.		Phân bón hỗn hợp	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 5815:2018	Quyết định 1814/QĐ-BVTV-KH ngày 17/7/19
8.		Phân bón Superphosphat	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 4440:2018	Quyết định 1814/QĐ-BVTV-KH ngày 17/7/19
9.	Xác định hàm lượng K ₂ O hữu hiệu	Các loại phân bón trừ phân lân nung chảy, phân bón hỗn hợp, phân bón supephosphat	Khoảng đo: > 0,15%	TCVN 8559:2010	Quyết định 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/18
10.		Các loại phân bón	LOQ: 0,1%	TCVN 8560:2018	Quyết định 1814/QĐ-

					BVTV-KH, ngày 17/7/19
11.	Xác định hàm lượng Ca (hoặc CaO)	Các loại phân bón có hàm lượng Ca từ 5% trở lên	Khoảng đo: $\geq 0,4 \%$	TCVN 12598:2018	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
12.	Xác định hàm lượng Mg (hoặc MgO)	Các loại phân bón có hàm lượng Mg từ 5% trở lên	Khoảng đo: $\geq 0,2 \%$	TCVN 12598:2018	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
13.	Xác định hàm lượng S	Các loại phân bón	Khoảng đo: $> 0,1\%$	TCVN 9296:2012	Quyết định 826/QĐ- BVTV-KH ngày 29/3/18
14.	Hàm lượng axit humic, axit fulvic	Các loại phân bón - Tính theo % khối lượng cacbon: TCVN 8561:2010 - Tính theo % khối lượng axit humic, axit fulvic: TCVN 8561:2010 và quy về hàm lượng axit humic bằng hàm lượng cacbon nhân với 1,724 và về hàm lượng axit fulvic bằng hàm lượng cacbon nhân với 2,150)	Khoảng đo: $> 1\%$	TCVN 8561:2010	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
15.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	Các loại phân bón	Khoảng đo: $> 3\%$	TCVN 9294:2012	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
16.	Tỷ lệ C/N	Các loại phân bón	-	C: TCVN 9294:2012 N: TCVN 8557:2010	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
17.		Các loại phân bón dạng rắn		Ref. TCVN 5979:2007	Quyết định 3286/QĐ- BVTV-KH ngày 27/11/18
18.	pH _{H2O}	Các loại phân bón dạng lỏng	-	Ref. TCVN 6492:2011	

19.	Khối lượng riêng hoặc tỷ trọng	Các loại phân bón dạng lỏng	-	Ref. TCVN 3731:2007	Quyết định 3286/QĐ-BVTV-KH ngày 27/11/18
20.	Cỡ hạt	Phân lân nung chảy	-	TCVN 1078:2018	Quyết định 1814/QĐ-BVTV-KH ngày 17/7/19
21.	Xác định hàm lượng Biuret	Phân urê không màu (hạt đục, hạt trong)	LOQ: 0,06%	TCVN 2620:2014	Quyết định 826/QĐ-BVTV-KH ngày 29/3/18
22.	Xác định hàm lượng axit tự do	Các loại phân bón	Khoảng đo: $\geq 0,03\%$	TCVN 9292:2019	Quyết định 826/QĐ-BVTV-KH, ngày 29/3/18